

Quyết định tái thẩm

Số: 31/2020/DS-TT

Ngày 10-6-2020

Về “*Tranh chấp chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân – Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Trình và ông Lê Phước Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung*”, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1972;

1.2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. **Bị đơn:** ông Huỳnh Thế T, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Thế Đ, sinh năm 1970;

3.2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3.3. Ông Huỳnh Thế S, sinh năm 1970; cư trú: H, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2014 và trong quá trình tố tụng các nguyên đơn trình bày:*

Năm 1993, khi thực hiện cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP Nhà nước giao cho hộ cụ Lê Thị T gồm 05 khẩu là cụ Lê Thị T, bà Huỳnh Thị M, ông Huỳnh Thế S, ông Huỳnh Thế Đ và bà Huỳnh Thị H với tổng diện tích 2.653m² đất tại các thửa: Thửa số 34 diện tích 450m²; thửa số 35 diện tích 656m²; thửa số 40 diện tích 753m² và thửa số 44 diện tích 794m². Năm 2001, cụ T chết.

Năm 2003, Nhà nước làm đường nối Cảng Dung Quất - Cảng Kỳ Hà nên thu hồi 212m² đất của thửa 34 và lập lại Bản đồ thành thửa 144 còn lại diện tích 238m²; thửa 35 tách thành hai thửa là thửa 125 dự kiến thu hồi 114m² và thửa 111 nhưng không thu hồi nên còn nguyên; thửa số 40 tách thành 02 thửa 148 với diện tích 354m² (đã thu hồi toàn bộ) và thửa 162 diện tích 399m²; còn thửa 444 diện tích 794m² không thu hồi. Thửa 35 từ khi cụ T còn sống thì vợ chồng ông Đ, bà H canh tác. Năm 2001 cụ T chết thì ông T (cũng là con cụ T ở nơi khác) về ở nhà thờ nằm trên thửa 34 và canh tác cả thửa 35. Năm 2006 bà H xin ông T cho trồng lúa nhưng ông T không đồng ý, tuy nhiên vì sợ mất đoàn kết nên bà H, ông T và bà M thống nhất để bà N và bà H canh tác thửa 35 đến hết năm 2006 rồi chuyển cho bà H, ông T và bà M. Từ 2013 thì chỉ còn vợ chồng ông Đ canh tác trồng lúa. Nay bà M và bà H khởi kiện yêu cầu chia diện tích đất cấp cho hộ cụ Lê Thị T còn lại cho đều 4 người, nếu ai nhận đất nhiều hơn thì phải thanh toán chênh lệch cho người kia.

- Bị đơn (do đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Sinh Nhật) đồng ý chia đất nhưng đề nghị được tiếp tục sử dụng 140m² đất thổ cư có nhà thờ thuộc thửa số 144 (trước đây là thửa số 34), đối với thửa số 444 diện tích 794m² thì đề nghị chia 3 phần cho 3 người là bà H, bà M và ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Đ, bà H trình bày: khi còn sống cụ T đã chia cho vợ chồng ông Đ, bà H thửa đất lúa số 35, diện tích 656m², các thửa đất còn lại thì bà M và ông T chia nhau sử dụng. Nay bà H và bà M khởi kiện thì Ông Bà không yêu cầu được chia thêm đất mà đề nghị Tòa án công nhận Ông Bà có quyền sử dụng thửa số 125 diện tích 114m² và thửa số 111 (trước đây là thửa 35).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Thế S nhường quyền sử dụng đất được chia cho ông T quản lý sử dụng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam quyết định: *Áp dụng các Điều 209, 212, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị M về việc “Tranh chấp dân sự về chia tài sản chung” đối với bị đơn ông Huỳnh Thế T.

- *Giao cho bà Huỳnh Thị M sử dụng thửa 124 diện tích 238m² (theo trích đo hiện trạng là 402,2m²)*

- *Giao phần đất của ông Huỳnh Thế S được nhận là thửa 162 diện tích 399m² cho ông Huỳnh Thế T quản lý sử dụng;*

- *Giao cho bà Huỳnh Thị H sử dụng thửa số 444 tờ bản đồ số 11, diện tích theo trích đo hiện trạng là 794 m²;*

Bà H phải trả phần giá trị đất do được nhận nhiều hơn cho bà Huỳnh Thị M là 9.143.500 đồng và phải trả phần giá trị đất do được nhận nhiều hơn cho ông Huỳnh Thế S là 1.172.500 đồng;

- *Giao cho bà Lê Thị T nhận phần đất 566m² (ông T đã nhận tiền đền bù) nên buộc ông Huỳnh Thế T phải trả cho ông Huỳnh Thế S giá trị của 66,75m² đất nông nghiệp mà hộ bà Tới giải tỏa là 667.500 đồng.*

- Giao cho ông Huỳnh Thế Đ nhận phần đất 656m² thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 (diện tích theo trích đo hiện trạng là 701,5m²).

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo.

- Ngày 20/9/2018, bà Huỳnh Thị N có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Tại Quyết định số 10/2020/KN-DS ngày 01/4/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Đơn đề nghị tái thẩm bà Huỳnh Thị N trình bày sau khi nghe được thông tin 399m² đất, thuộc thửa số 162, tờ bản đồ số 10, thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam mà mình đang sử dụng nhưng Tòa án nhân dân huyện N lại chia cho ông Huỳnh Thế T thì ngày 13/8/2018 bà N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N cấp bản sao bản án. Ngay sau khi được Tòa án nhân dân huyện N cấp bản sao Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 thì ngày 20/9/2018 bà N có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục tái thẩm, đồng thời bà N gửi kèm tài liệu là *Sổ Mục kê Bản đồ khu vực giải phóng mặt bằng đường nối Dung Quất – Chu Lai – Kỳ Hà* do Ban giải tỏa, đền bù thuộc UBND huyện N lập tháng 5 năm 2003, tài liệu này không có trong hồ sơ vụ án.

[2] Tại *Biên bản làm việc* ngày 17/5/2019 với Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bà Huỳnh Thị N trình bày Bà là con gái cụ Lê Thị T, là em gái của ông Huỳnh Thế T và bà Huỳnh Thị M; từ năm 2003 bà N đã sử dụng toàn bộ 399m² đất thuộc thửa đất số 162 (cũ trước đây là thửa số 40 tách thành thửa 148 diện tích 354m² - đã bị thu hồi toàn bộ năm 2003 và thửa số 162 diện tích 399m²) để xây dựng nhà cấp 4 kiên cố diện tích 100m², còn lại làm sân, chuồng nuôi gia súc và trồng cây ăn trái đến nay không có tranh chấp, nhưng Tòa án giải quyết vụ án liên quan đến diện tích đất nhưng bà N không biết và không được báo tham gia tố tụng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã lập *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* ngày 16/7/2015 đối với 4 thửa đất có tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án thể hiện thửa 162 “...diện tích 399m², trên đất có một nhà xây dựng trái phép đã nhiều lần bị Ủy ban nhân dân xã Q lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tháo dỡ nên đương sự không yêu cầu giải quyết về nhà”, nhưng Biên bản và các tài liệu trong hồ sơ vụ án không thể hiện ngôi nhà do

ai xây dựng? khi xây dựng có bị Ủy ban nhân dân xã Q xử phạt hành chính và yêu cầu tháo dỡ hay không?

[4] Xét, Tòa án nhân dân huyện N khi giải quyết vụ án đã tiến hành thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật như phân tích tại mục [3] nêu trên; do đó, nay bà N có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, đồng thời gửi kèm tài liệu là *Sổ Mục kê Bản đồ khu vực giải phóng mặt bằng đường nối Dung Quất – Chu Lai – Kỳ Hà* do Ban giải tỏa, đền bù thuộc UBND huyện N lập tháng 5 năm 2003, tài liệu này không có trong hồ sơ vụ án nên là căn cứ để kháng nghị và xem xét lại vụ án theo thủ tục tái thẩm.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử tái thẩm xét chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 04/2019/KN-DS ngày 31/12/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định từ Điều 351 đến Điều 357; điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về “*Tranh chấp chia tài sản chung*” giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị M với bị đơn là ông Huỳnh Thế T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND huyện N, tỉnh Quảng Nam (02 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Kim Nhân